

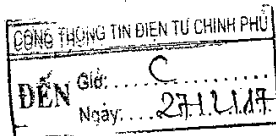
CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 151 /2016/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 11 tháng 11 năm 2016



NGHỊ ĐỊNH

Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều về chế độ, chính sách của Luật quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng ngày 26 tháng 11 năm 2015;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng;

Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều về chế độ, chính sách của Luật quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành về chế độ, chính sách đối với quân nhân chuyên nghiệp nghỉ hưu, phục viên; công nhân và viên chức quốc phòng nghỉ hưu; quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng phục vụ trong Quân đội hy sinh, tử trận; quy đổi thời gian để tính hưởng chế độ trợ cấp một lần; chế độ bảo hiểm y tế đối với thân nhân của công nhân, viên chức quốc phòng phục vụ trong Quân đội theo quy định tại khoản 3 Điều 39; điểm a, b khoản 1, điểm a, c khoản 3, khoản 5 Điều 40; điểm a, b khoản 1, khoản 4 Điều 41 và khoản 2, 3 Điều 42 Luật quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng (sau đây gọi chung là Luật).

2. Đối tượng áp dụng

a) Quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng đang công tác trong các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp thuộc Bộ Quốc phòng;

b) Thân nhân của quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng đang công tác trong Bộ Quốc phòng;

c) Các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp thuộc Bộ Quốc phòng; các cơ quan, đơn vị, địa phương, tổ chức có liên quan.

Điều 2. Tiền lương và thời gian công tác để tính hưởng chế độ

1. Tiền lương để tính hưởng chế độ

a) Tiền lương tháng để tính hưởng chế độ trợ cấp một lần quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 3 và khoản 2 Điều 5 Nghị định này được tính bằng mức bình quân tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội của 05 năm cuối trước khi nghỉ hưu;

b) Tiền lương tháng để tính chế độ trợ cấp một lần quy định tại khoản 2 Điều 4; khoản 1, 2 Điều 6; khoản 2 Điều 7 Nghị định này là tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội của tháng liền kề trước thời điểm quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng nghỉ hưu, phục viên, thôi việc, chuyển ngành, nghỉ theo chế độ bệnh binh, hy sinh, tử trận;

c) Tiền lương tháng để tính chế độ trợ cấp một lần quy định tại điểm a, b Khoản này bao gồm: Tiền lương theo loại, nhóm, bậc đối với quân nhân chuyên nghiệp; nhóm ngạch, bậc đối với công nhân và viên chức quốc phòng và các khoản phụ cấp chức vụ lãnh đạo, phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề và mức chênh lệch bảo lưu (nếu có).

2. Thời gian công tác để tính hưởng chế độ

a) Thời gian công tác để tính hưởng chế độ trợ cấp một lần quy định tại điểm b khoản 2 Điều 3; khoản 2 Điều 4; khoản 2 Điều 5; khoản 1, 2 Điều 6 Nghị định này là tổng thời gian công tác trong Quân đội (bao gồm thời gian là sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan, binh sĩ, công nhân và viên chức quốc phòng) và thời gian công tác tại các cơ quan, đơn vị hưởng lương từ ngân sách Nhà nước có đóng bảo hiểm xã hội trước khi vào phục vụ trong Quân đội, trừ thời gian công tác tại các cơ quan, đơn vị có đóng bảo hiểm xã hội nhưng đã hưởng chế độ phục viên, xuất ngũ, thôi việc;

b) Thời gian công tác để tính quy đổi hưởng chế độ trợ cấp một lần quy định tại Điều 7 Nghị định này là tổng thời gian công tác trong Quân đội (bao gồm thời gian là sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan, binh sĩ, công nhân và viên chức quốc phòng) trực tiếp chiến đấu, phục vụ chiến đấu hoặc công tác ở địa bàn khó khăn, ngành nghề có tính chất đặc thù;

c) Thời gian công tác quy định tại điểm a, b khoản này nếu đứt quãng mà chưa hưởng trợ cấp một lần (phục viên, xuất ngũ, thôi việc) thì được cộng dồn.

3. Trường hợp thời gian công tác, thời gian tăng thêm do quy đổi và thời gian nghỉ hưu trước hạn tuổi quy định tại Nghị định này nếu có tháng lẻ thì được tính như sau: Dưới 03 tháng không tính, từ đủ 03 tháng đến đủ 06 tháng được tính là 1/2 năm, từ trên 06 tháng đến dưới 12 tháng được tính tròn là 01 năm.

Điều 3. Chế độ, chính sách đối với quân nhân chuyên nghiệp nghỉ hưu

Chế độ, chính sách đối với quân nhân chuyên nghiệp nghỉ hưu theo điểm a, b khoản 1 Điều 40 của Luật, được thực hiện như sau:

1. Quân nhân chuyên nghiệp đủ điều kiện nghỉ hưu theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội và theo quy định tại khoản 1 Điều 22 của Luật được hưởng chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định hiện hành của pháp luật về bảo hiểm xã hội.

2. Quân nhân chuyên nghiệp nghỉ hưu trước hạn tuổi cao nhất theo cấp bậc quân hàm quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật do thay đổi tổ chức biên chế theo quyết định của cấp có thẩm quyền mà Quân đội không còn nhu cầu bố trí sử dụng thì không bị trừ tỷ lệ lương hưu do nghỉ hưu trước tuổi và ngoài hưởng chế độ bảo hiểm xã hội, chế độ ưu đãi người có công với cách mạng (nếu có) theo quy định hiện hành, còn được hưởng chế độ trợ cấp một lần theo quy định sau đây:

a) Được trợ cấp 03 tháng tiền lương cho mỗi năm nghỉ hưu trước tuổi;

b) Được trợ cấp bằng 05 tháng tiền lương cho 20 năm đầu công tác. Từ năm thứ 21 trở đi, cứ mỗi năm công tác được trợ cấp bằng 1/2 tháng tiền lương.

Điều 4. Chế độ, chính sách đối với quân nhân chuyên nghiệp phục viên

Chế độ, chính sách đối với quân nhân chuyên nghiệp phục viên theo điểm a, c khoản 3 Điều 40 của Luật, được quy định như sau:

1. Được trợ cấp tạo việc làm bằng 06 tháng tiền lương cơ sở theo quy định của Chính phủ tại thời điểm phục viên; được hỗ trợ đào tạo nghề hoặc giới thiệu việc làm tại các tổ chức giới thiệu việc làm của các bộ, ngành, đoàn thể, địa phương và các tổ chức kinh tế - xã hội khác.

2. Được hưởng trợ cấp phục viên một lần, cứ mỗi năm công tác được trợ cấp bằng 01 tháng tiền lương của tháng liền kề trước khi phục viên.

3. Được hưởng chế độ bảo hiểm xã hội một lần hoặc bảo lưu thời gian tham gia bảo hiểm xã hội theo quy định hiện hành của pháp luật về bảo hiểm xã hội.

4. Được ưu tiên cộng điểm trong thi tuyển hoặc xét tuyển công chức theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 24/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức; hoặc được ưu tiên khi xác định người trúng tuyển trong kỳ thi tuyển viên chức theo quy định tại khoản 2 Điều 10 Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

Điều 5. Chế độ, chính sách đối với công nhân và viên chức quốc phòng nghỉ hưu

Chế độ, chính sách đối với công nhân và viên chức quốc phòng nghỉ hưu theo điểm a, b khoản 1 Điều 41 của Luật, được quy định như sau:

1. Công nhân và viên chức quốc phòng đủ điều kiện nghỉ hưu theo quy định tại khoản 1 Điều 34 của Luật được hưởng chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định hiện hành của pháp luật về bảo hiểm xã hội.

2. Công nhân và viên chức quốc phòng nghỉ hưu trước hạn tuổi cao nhất quy định tại Điều 31 của Luật do thay đổi tổ chức, biên chế theo quyết định của cấp có thẩm quyền mà Quân đội không còn nhu cầu bố trí sử dụng thì không bị trừ tỷ lệ lương hưu do nghỉ hưu trước tuổi và ngoài hưởng chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật hiện hành còn được hưởng chế độ trợ cấp một lần tương tự như đối với quân nhân chuyên nghiệp quy định tại khoản 2 Điều 3 Nghị định này.

Điều 6. Chế độ, chính sách đối với quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng phục vụ trong Quân đội hy sinh, tử trận

Chế độ, chính sách đối với quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng phục vụ trong Quân đội hy sinh, tử trận theo khoản 2, 3 Điều 42 của Luật, được thực hiện như sau:

1. Quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng trong thời gian phục vụ Quân đội mà hy sinh, nếu đủ điều kiện theo quy định của pháp luật về ưu đãi người có công với cách mạng thì được xem xét xác nhận